

Bản án số: **04/2025/DS-ST**
Ngày: 18-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Dũng
- Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 492/2024/QĐXXST-DS ngày 12-12-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-DS ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T3, số E, phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP T2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoài D - Trung tâm xử lý nợ 2 - Khối xử lý và Thu hồi nợ Ngân hàng TMCP T2.

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Võ Anh T, sinh năm 1985
- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(ông T, bà T1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2024 và quá trình giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 05/01/2022 ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 đã ký kết Hợp đồng vay vốn số 08/2022HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022 tại Ngân hàng với số tiền vay 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Mục đích vay: Vay mua ô tô để thanh toán công nợ cho bên thứ ba. Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất: 7,5%/năm.

Ngày 11/01/2023 Ngân hàng đã mở 01 thẻ tín dụng cho bà Phạm Thị T1 ký hạn mức số tiền 40.000.000 đồng theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng T3 kèm hợp đồng sử dụng thẻ của bà Phạm Thị T1.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông T, bà T1 có thể chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu KIAK3 số khung: RNYFK46A6MC241365; số máy: G4FGMH708762, năm sản xuất: 2021, biển kiểm soát: 76A-160.65 tại hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà T1 đã trả cho Ngân hàng với tổng số tiền 149.580.206 đồng (nợ gốc: 87.520.796 đồng, nợ lãi 62.059.410 đồng). Từ tháng 09/2023 đến nay ông T, bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết dẫn đến phát sinh nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 06/3/2024 ông T, bà T1 còn nợ tại Ngân hàng với tổng số tiền 403.605.736 đồng. Trong đó: nợ gốc 332.479.204 đồng; nợ lãi 21.173.855 đồng và nợ thẻ tín dụng 49.952.677 đồng.

Ngân hàng yêu cầu ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 trả nợ lãi tính đến ngày 12/02/2025 là 63.439.436 đồng (lãi trong hạn 50.535.559 đồng, lãi quá hạn 12.903.877 đồng).

Để đảm bảo quyền lợi, cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết: Buộc bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 12/02/2025 với số tiền 488.427.804 đồng (trong đó, nợ gốc 372.479.204 đồng, nợ lãi 115.948.600 đồng).

Cụ thể: Đối với Hợp đồng vay vốn số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022, Nợ gốc 332.479.204 đồng; nợ lãi 63.439.436 đồng (lãi trong hạn 50.535.559 đồng, lãi quá hạn 12.903.877 đồng), tổng cộng: 395.918.640 đồng.

Đối với thẻ tín dụng, nợ thẻ 40.000.000 đồng, lãi của thẻ tín dụng tính đến ngày 12/02/2025: 52.509.164 đồng. Tổng cộng 92.509.164 đồng

Yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T1 phải tiền lãi phát sinh của Hợp đồng vay và thẻ tín dụng kể từ ngày 13/2/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, số khung: RNYFK46A6MC241365; số máy: G4FGMH708762, năm sản xuất: 2021, biển kiểm soát: 76A-160.65 tại hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022 để trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 tại Ngân hàng không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

*** Đối với bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1:**

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

*** Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng với số tiền: 488.427.804 đồng (trong đó, nợ gốc 372.479.204 đồng, nợ lãi 115.948.600 đồng. Cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022, Nợ gốc 332.479.204 đồng; nợ lãi 63.439.436 đồng (lãi trong hạn 50.535.559 đồng, lãi quá hạn 12.903.877 đồng), Tổng cộng: 395.918.640 đồng.

Đối thẻ tín dụng, nợ thẻ 40.000.000 đồng, lãi của thẻ tín dụng: 52.509.164 đồng. Tổng cộng 92.509.164 đồng và tiền lãi phát sinh của Hợp đồng vay và thẻ tín dụng kể từ ngày 13/2/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, số khung: RNYFK46A6MC241365; số máy: G4FGMH708762, năm sản xuất: 2021, biển kiểm soát: 76A-160.65 tại hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022 để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần T2 (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện tranh chấp yêu cầu trả tiền vay nợ tại Hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1. Trong vụ án này ông T, bà T1 không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiền sử dụng cho tiêu dùng và tại thời điểm Ngân hàng cấp tín dụng cho ông T, bà T1 thì ông bà có địa chỉ cư trú tại tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Xét việc Nguyên đơn là Ngân hàng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt không có lý do

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T1 đã vắng mặt tại nơi cư trú tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T, bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Còn Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ tiền vay của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng vay vốn số 08/2022HDTD/QNI/01 ngày 05/01/2022 với số tiền 420.000.000 đồng và Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng với hạn mức số tiền 40.000.000 đồng được ký giữa Ngân hàng với ông T và bà T1 là hợp pháp và có giá trị pháp lý, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng vay vốn và thẻ tín dụng được ký, bị đơn đã được giải ngân toàn bộ với số tiền nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà T1 đã trả cho Ngân hàng với số tiền gốc 87.520.796 đồng, lãi 62.059.410 đồng.

Thời điểm trả nợ cuối cùng của ông T, bà T1 cho Ngân hàng là ngày 26/09/2023 trả nợ gốc và lãi, từ đó đến nay ông T, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, bị đơn ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Hợp đồng vay vốn và vi phạm Điều 6 Thanh toán nợ, thu hồi nợ và chuyển nợ quá hạn của Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3.

Việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T, bà T1 phải trả nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng vay vốn và nợ gốc, nợ lãi của thẻ tín dụng là hoàn toàn phù hợp với những thỏa thuận giữa hai bên. Đúng với quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] Về nợ gốc: Sau khi trừ số tiền Bị đơn đã trả 87.520.796 đồng nợ gốc, Bị đơn còn nợ tính đến ngày 26/9/2023 tại Hợp đồng vay vốn 332.479.204 đồng và thẻ tín dụng 40.000.000 đồng nợ gốc. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông T, bà T1 phải trả nợ gốc của Hợp đồng vay vốn 332.479.204 đồng và nợ gốc của thẻ tín dụng 40.000.000 đồng.

[2.2.2] Về nợ lãi: Ông T, bà T1 đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi 62.059.410 đồng, từ ngày 26/9/2023 đến nay ông T, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn, thì ông T, bà T1 còn phải tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng vay STT 7 - mục xác nhận của Ngân hàng và Điều 3 của Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế T3. Căn cứ quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông T, bà T1 phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày 12/02/2025 tại Hợp đồng vay vốn: 63.439.436 đồng (trong đó,

lãi trong hạn 50.535.559 đồng, lãi quá hạn 12.903.877 đồng) và lãi thẻ tín dụng 52.509.164 đồng.

[2.2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA K3, biển kiểm soát: 76A-160.65 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022 để trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 05/01/2022, ông T và bà T1 đã tự nguyện thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA K3 biển kiểm soát: 76A-160.65 (giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 76005620 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp 31/12/2021 do ông T đứng tên chủ sở hữu) cho Ngân hàng tại Hợp đồng vay và thế chấp xe ô tô số 08/2022/HDTD/QNI101. Việc thế chấp tài sản xe ô tô được đăng ký bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành Phố Đà Nẵng. Xét thấy, việc thế chấp tài sản xe ô tô ngày 05/01/2022 của ông T được thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 295, 298, 299 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4, Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Vì ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô KIA K3 biển kiểm soát: 76A-160.65 tại Hợp đồng số 08/2022HĐTD/QNI/01 ngày 05/01/2022 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu, sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông T, bà T1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Căn cứ quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và sự thỏa thuận của các bên tham gia ký Hợp đồng vay vốn và thẻ tín dụng nên yêu cầu này của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền (20.000.000 đồng + 4% (488.427.804 đồng - 400.000.000 đồng) = 23.537.112 đồng (*Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm mười hai hai đồng*))

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Các Điều 295; 299; 317, 318, 319 và 320; 357; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 4, Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2

Buộc ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 tính đến ngày 12/02/2025 với tổng số tiền là 488.427.804 đồng (*Bốn trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm không bốn đồng*); trong đó nợ gốc 372.479.204 đồng; nợ lãi 115.948.600 đồng (lãi trong hạn 50.535.559 đồng, lãi quá hạn 12.903.877 đồng, lãi thẻ của thẻ tín dụng 52.509.164 đồng) và tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 13/02/2025 cho đến khi ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 theo các thỏa thuận tại Hợp đồng vay vốn số 08/2022HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022 và Đơn đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 11/01/2023.

Trường hợp ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIAK3, số khung: RNYFK46A6MC241365, số máy: G4FGMH708762, năm sản xuất: 2021, biển kiểm soát: 76A-160.65 tại Hợp đồng số 08/2022/HDTD/QNI/01 ký ngày 05/01/2022.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì ông T, bà T1 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Võ Anh T, bà Phạm Thị T1 phải chịu 23.537.112 đồng (*Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm mười hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.072.115 đồng (*Mười triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm mười lăm đồng*)

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002889 ngày 04-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Na Na